

Bóng

Ngày Zua.

MX Quân Y Nguyễn Văn Đông.

Trời mới vào Thu được vài hôm đã thấy lá vàng trên cỏ xanh. Gió vẫn vi vu lùa mây chậm rãi bay về Nam, nhưng chưa mang âm hưởng nào của mùa Thu, vẫn còn hơi oi bức của mùa Hạ. Thời tiết nầy người Phú Lăng Xa gọi là “été indien”. Nhìn trời lại nhớ những mùa Thu bên nhà, nhứt là mùa Thu 44-45 lúc tôi mới lên bảy lên tám. Thuở đó tôi như con thỏ đế, rất lo sợ khi thấy ông già tôi và các anh chị tôi cứ lo chuyện chống Pháp, đánh Tây chỉ với tầm vông vạt nhọn, trong khi Tây to lớn lại súng đạn đầy mình, chúng đã từng bắn vào nhà tôi làm anh tôi bị thương ở cánh tay khiến tôi hết sức lo sợ. Bà đặt chống đối làm chi cho nguy hiểm, và tôi tự nhủ chắc sẽ chẳng bao giờ chống ai để không phải hồi hộp âu lo chi cho rắc rối cuộc đời.

Năm 1945, nhìn các anh chị tôi cùng mấy người bạn, tất cả đều ở lứa tuổi đôi mươi, hăng hái lao vào cuộc kháng chiến quyết dành lại quê hương trong tay thực dân, sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, gian nguy, tôi cũng cảm thấy có chút gì phấn chấn vui vui dù chẳng hiểu tí ti gì cả. Khí thế trong làng đang bùng lên như than hồng trước gió, thì chỉ vài tháng sau Việt Minh xuất hiện. Chẳng ai biết họ là ai, từ đâu ra, nhưng khá nhanh chóng ai cũng biết thế nào là “mò tôm”. Rồi cũng nhanh chóng cùng với ngọn lửa đấu tranh, hai tổ chức Thanh Niên Tiền Phong và Truyền Bá Quốc Ngữ biến mất. Trong làng chỉ còn biết có hai tiếng Việt Minh mà ai cũng nhắc tới với sự kính sợ. Khi mở

miệng nói tiếng Vẹm (VM), dân làng chỉ nói khe khẽ vừa đủ nghe, mắt lăm lét nhìn quanh, họ làm như sợ Vẹm phục kích đâu đó cùng nghe! Mẹ tôi thì hình như không sợ gì cả, bà hay cười ruồi:

–“Ồ, mấy cha con bay rán mà chống Tây, khi chỉ còn Việt Nam với nhau chừng đó mấy cha con sẽ biết!”

Nghe bà nói tôi cứ thắc mắc mãi, nhờ vậy nên tôi nhớ câu nói của bà. Khi đó tôi còn là một đứa con nít, chẳng hiểu nổi ý của người lớn. Ba mươi năm sau, khi vào “ăn chay năm đất” trong tù vọt nhớ lại tôi mới hiểu ra và phục bà sát đất, tuy không biết chữ nhưng mắt nhìn đời của bà tinh tế vô cùng.

Năm 1946, cảm thấy sẽ bị cho “mò tôm” không biết lúc nào, nên ông già tôi phải bỏ làng “đi lánh nạn Việt Minh”. Khi về thành phố, ông không nói chuyện đánh Tây nữa. Tôi cứ thắc mắc cứ sao cùng chống Pháp, đánh Tây, mà Việt Minh lại muốn thủ tiêu ông già tôi và những người kháng chiến khác? Gần như ngày nào cũng có “thằng chổng*” lều bều trên dòng sông chảy xuyên qua xã Hiệp Bình, quận Thủ Đức, cách nhà non nửa cây số. Bên kia sông là An Phú Đông, ổ của VM. Tây cùng lắm là bắt người tra tấn giam cầm, chớ không giết hại như VM. Tôi sợ cho ông già tôi là vì vậy, và không muốn ông chống bất cứ ai nữa hết. Khi phải bỏ làng ra đi tôi rất vui, nhưng không ngớt thắc mắc: ông già tôi chống Pháp vì mọi người, VM vì ai mà lại chống

Sóng Thần

những người chống Pháp mặc dù họ không ngớt tuyên truyền rằng họ đánh Tây? Chẳng hiểu ắt giáp gì nhưng từ đó tôi sinh ra ghét VM. Chỉ mới ghét thôi chớ chưa dám nghĩ đến chuyện chống. (* xác chết trôi sông)

Rồi mười năm sau, năm 1955, khi ông Ngô Đình Diệm truất phế vua Bảo Đại, tôi lại hăng hơn các bạn cùng trang lứa tham dự vào chiến dịch “chống” đó! Chẳng hiểu sao, nhưng tự nhiên tôi không ưa mấy ông vua (chỉ khoái mấy bà chúa). Cứ mỗi lần có dịp xem hình của mấy ông, cả Tây lẫn ta, là tôi bắt cười, vì thấy mấy ông ăn mặc giống kếp hát bội! Bây giờ có mấy ông vua các tôn giáo cũng y chan vậy thôi, tu hành mà áo thụng đúng “mode”, mũ cao, gậy vàng, lọng xanh, tiền hô hậu ủng... Ngay cả thiền sư Nhất Hạnh dù không là giáo chủ mà cũng đã học đòi. Người ta ngồi thiền để tĩnh tâm, ông là thiền sư nhưng tâm rất vọng động, thảo nào cái giống người chẳng bao giờ được hưởng thái bình. Vì vậy, lúc mới vào trường Dòng, tôi tin Chúa, tin Phật; khi ra trường Dòng tôi chỉ còn tin mỗi mình tôi. Bây giờ gặp thời xã hội chủ nghĩa lại càng khó có thể tin ai được nữa, nhất là những chính trị gia, toàn một lũ hèn, chỉ chuyên mị dân, bố láo, cốt sao giữ vững ngai vàng danh lợi. Thế mới biết lòng người thay đổi cũng nhanh.

Lớn lên, tôi chẳng còn biết sợ là cái quái gì, danh lợi đối với tôi như nước đổ đầu vịt, cả đời tôi chẳng bao giờ biết quì lụy, xin xỏ, nhờ vả ai. Thậm chí lúc biết tôi đang “lâm nguy” khi ra trường thuốc chỉ vì dám trực diện xài xể một bức thầy đầy quyền uy (không có một sinh viên nào lại chơi trò tối dạ như tôi), có một ân nhân đề nghị đưa tôi về dinh ở một trong hai đầu đường Thống Nhất, tôi từ chối cái rụp, không chút do dự. Về với TQLC sẽ chẳng có ma nào lôi thôi, có muốn “đi” tôi thì cũng như đem cá đi trấn nước, tôi lại không mang tiếng trốn tránh, không chạy chọt để bị mất hết uy tín của một nam nhi thời binh lửa. Từ đó gia đình gọi tôi là “thằng lì lợm” tiếp theo biệt danh “cứng đầu” mà tôi hân hạnh nhận được khi vừa lên ba.

Năm đó, 1940, cha tôi đưa cả gia đình xuống Đất Hộ (Dakao) chụp hình kỷ niệm. Tôi thấy cả lem cây đòi ăn, và ăn ngay chớ không chịu chờ



chụp hình xong. Ông phó nhóm đầu chịu chờ, thế là tôi phải đứng vào chụp, nhưng đầu lắc lư, mặt gằm xuống, như nhỏ em 5 tháng trên tay mẹ. Về mặt kỹ thuật tâm ảnh coi như thất bại, nhưng về phương diện kỷ niệm thì lại khác, tấm ảnh đó rất được nhiều người xem, và thích nhất là cha mẹ tôi! Nhờ “cứng đầu, lì lợm” nên thấy mình lúc nào cũng thật sự “độc lập, tự do, hạnh phúc”. Thời gian trong tù đa số ai cũng mong có dịp, bất cứ là dịp gì, để được thoát thân, nhứt nhứt tại tù mà, hay ít ra cũng “câm cái mồm, tử tế” với cán bộ để được “an tâm tư tưởng”, “học tập tốt, lao động tốt” với hy vọng được về sớm.

Con người ta coi vậy mà nhứt nhát, dễ bị gạt. Không phải chỉ lúc còn “đi học”, mà ngay cả khi đã “ra trường” một số vẫn còn tuân nghe lời cán bộ dạy, ăn ở ngoan ngoãn, chưa nói là còn lập công để... chuộc tội! Chỉ khi thật sự ra khỏi nước họ mới ngoạc mồm ra chống Cộng kinh thiên động địa nghe đến nhức “cái trốt”, khó có ai bì kịp. Đúng là loại miệng hùm gan sứa. Ai đó có tin nghe họ chắc phải thuộc loại đần độn có hạng. Cụ thể, hiện có một vài đồng nghiệp đã từng ở cùng lán với tôi tại Long Giao năm 75, đã từng chứng kiến cảnh

năm bảy tên chính ủy của trại “hạ quyết tâm” hạch tội tôi suốt một buổi sáng. Trong bầu không khí hết sức căng thẳng, phảng phất mùi tử khí, chỉ có Mũ Xanh Hồ Thiện Hiền bất chấp hậu quả, xâm mình nhảy vào vòng chiến cùng tôi chống phá, đánh đổ các lập luận nhằm buộc tội tôi của bọn chính ủy, số còn lại đều cúi đầu ngồi im phăng phắc. Ấy vậy mà ngày nay ra hải ngoại họ lại viết lách chê bai phe ta đủ điều, làm tôi cứ nghĩ họ là viết gian nằm vùng.

Tôi thì chuyên làm chuyện trái ngược thiên hạ, chỉ vì tôi bất cần và không biết sợ, mặc dù sau vụ đó cán ngũ đã nhiều lần úp mở để tôi hiểu rằng tôi sẽ không bao giờ ra trại nếu cứ tiếp tục cái trò lẻo mép phản động. Thật ra tôi rất sợ, sợ một phút yếu hèn, hạ mình để rồi suốt cuộc đời còn lại chẳng dám ngẩng mặt nhìn ai nữa. Niềm kiêu hãnh trong tôi to như Thái Sơn, do đó, Giáng Sinh 1975, khi tên cán bộ từ thành phố lên Long Giao gặp tôi với “hảo ý” đem tôi về bệnh viện Chợ Rẫy, nhưng trước khi quyết định, y thăm dò với một câu hỏi xóc óc rằng tôi có sợ khi CS vô Sài Gòn? Tôi đáp ngay, đại khái rằng người quân nhân TQLC, người công giáo có khi nào lại sợ các anh. Ngày nay, niềm kiêu haãnh đó không cho phép tôi hạ mình, lòn tròn xin giặc cộng cho phép tôi trở về quê hương tôi. Nhiều khi nghĩ lại, tôi cũng chẳng hiểu tôi! Bình thường có khi nào tôi lại liêu liĩnh như vậy. Thế mới biết khi lâm vào những hoàn cảnh đặc biệt mới thật sự biết mình, hiểu mình hơn. Ông bà nói đâu có sai: trai khôn tìm vợ chợ đông...

Khi tôi lên trung học, các chị tôi và những người bạn kháng chiến năm xưa không còn nói nhiều về chuyện đấu tranh, trái lại họ bàn nhau huyền thuyên về nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Ai cũng khen tiểu thuyết của Khái Hưng, Nhất Linh, Song An Hoàng Ngọc Phách... tôi bỗng muốn đọc cho biết. Sau Bách Si Ma của Phú Đức mỗi ngày đọc một trang trên báo, chẳng nhớ là báo gì, chuyện đầu tiên qua tay tôi là cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên. Lý do chỉ vì một là sách không dày, hai là một hôm sư huynh dạy Anh văn lớp 3ème nổi hứng lạc đề nói về Hồn Bướm Mơ Tiên. Sư huynh đã nói hết sức say sưa:

– “Hai kẻ yêu nhau thắm thiết đến độ xem

người yêu như bản thân, gọi nhau là “mình”, hai người chỉ còn là một “Mình”!

Ông làm tôi phải đọc xem sao, đọc xong tôi mỉm cười tự hỏi không biết sư huynh đó bao giờ thì “nhảy rào”? Sẵn trốn tôi làm luôn Đôi Bạn, Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt... và cả truyện của Hồ Biểu Chánh: Cha Con Nghĩa Nặng, Cay Đắng Mùi Đời, Người Thất Chí... Những mối tình thơ mộng, những mảnh đời gian nan, ngang trái của các nhân vật trong truyện theo thời gian phai mờ dần trong tâm trí tôi, duy chỉ có hai người tôi vẫn chưa quên, đó là Dũng, cùng tên với tôi, và vài người bạn của anh như Thái, Trúc... trong Đôi Bạn của Nhất Linh, và đặc biệt là Phụng, cùng tên với “nhỏ em”, trong Người Thất Chí của Hồ Biểu Chánh. Các nhân vật đó đều thuộc thế hệ 1930. Họ đều ở lứa tuổi đôi mươi, đều theo Tây học, đều mang trong người một hoài bão: giải phóng quê hương khỏi sự đô hộ của thực dân và khỏi tình trạng lạc hậu. Họ mang mầm mống cách mạng của cả một thế hệ. Nhớ lại, tôi thấy các anh chị tôi và các bạn đều có cái gì giống mấy nhân vật trong truyện nầy, cũng tuổi đôi mươi, cũng nhiều tình cảm, lắm nhiệt huyết cách mạng...

Trong Đôi Bạn, Dũng là một thanh niên tuổi vừa đôi mươi, yêu cô láng giềng Loan, và thương thân phận của người dân nghèo hèn cơ cực... Tuy là con nhà quan sang giàu, có ăn học, nhưng Dũng không vui với cái địa vị trời cho đó của anh. Không những thế, Dũng còn cảm thấy xấu hổ vì sự giàu có của cha, một người cha mà anh thiếu kính yêu, vì từ tấm bé anh đã chứng kiến cảnh cha anh, một quan tuần phủ, đánh đập một người nhà quê không nương tay. Anh bực mình không hiểu tại sao bị đánh đập như vậy mà người nhà quê cứ im lặng cúi đầu nhận chịu. Và anh không làm sao quên được cảnh tượng đó, một cảnh làm anh bất bình, tức giận. Anh không hoà hợp được với xã hội, anh cô đơn, anh bơ vơ giữa cuộc đời giàu sang của gia đình, cuối cùng anh muốn thoát ly, làm một cái gì ích nước lợi dân.

Dũng như mang mặc cảm tội lỗi vì sự giàu có của gia đình bên cạnh sự nghèo khổ của bạn bè, của người dân. Anh luôn mang trong đầu ý tưởng

sự sang giàu của gia đình anh là một cái nhục, vì theo anh, giàu chính đáng trong thời buổi đó đã là đáng xấu hổ rồi, nói chi đến chuyện giàu bất chính. Vô tình anh đã mang mầm mống xã hội chủ nghĩa trong tâm nhưng thời buổi đó anh làm sao hiểu được. Và Dũng cũng sẽ chẳng làm sao hiểu được những con người xã hội chủ nghĩa luôn hô hào công bình bác ái, ngày nay lại rất hãnh diện là những “đại gia” giữa lòng đất nước điêu tàn đói rách vì chủ nghĩa xã hội.

Cuối cùng Dũng đã thật sự thoát ly gia đình, cùng Trác trốn sang Tàu. Lúc ấy chỉ biết đi Tàu chớ có đi đâu khác được (Cụ Phan Bội Châu cũng đi Tàu, định mệnh như đã an bài!), nhưng rồi hình như anh lại quay trở về Nam. Một vài bạn của anh cũng sang Tàu nhưng chẳng biết để làm gì ngoài chuyện buôn bán kiếm sống qua ngày. Dũng chưa bao giờ thật sự nhúng tay vào hoạt động cách mạng với các bạn. Như Thái đã vào tù ra khám và sau cùng tự vận sau khi ám sát hụt một ông phủ, Thái quay súng lại tự bắn mình chớ không để bị bắt. Tuổi ít nhưng nhiều lý tưởng và hoài bão mà không có căn bản tổ chức, những người trẻ thời đó chỉ hoạt động riêng rẽ, nên họ như ngọn lửa rơm bùng lên rồi chột tắt... Các anh chị tôi và các bạn cũng thế.

Phụng trong Người Thất Chí của Hồ Biểu Chánh, càng tệ hại hơn. Anh từng du học bên Tây về nhưng không tìm được việc làm, rồi sinh ra khá lắm cảm, giận người, giận đời... Trong khi thất nghiệp, anh đến xin việc ở một nhà báo. Người chủ nhiệm từ chối vì nhà báo còn nghèo, nhưng khi biết Phụng học ở Pháp, có tú tài, đang theo học năm đầu trường bách nghệ (Polytechnique?) thì vì gia cảnh phải trở về nước, nên ông cũng hỏi xem Phụng có viết lách gì bao giờ không... Anh trình cho ông chủ nhiệm xem bài anh viết đã kích sự ngây ngô của những người “đam mê như đức”. Ông chủ bút xem qua và nhận đăng bài viết và trả cho anh vài ba đồng tiền nhuận bút. Từ đó, anh viết bài công kích nền đạo đức chỉ vì cha anh thanh liêm mà gia đình sinh ra nghèo khó, bị khinh thường, không như những tên bá đạo lại giàu sang được người trọng vọng (như các “đại gia”

ngày nay)...

Phụng tạm trú ở nhà một người bạn nhân viên sở hỏa xa, ăn cơm tháng với người lối xóm. Cha mẹ ở tỉnh (Cần Thơ?) phải gửi tiền lên cho anh trả tiền cơm. Túng quẫn nên tâm thần anh sinh ra bất bình thường. Anh ghét đến mức thù hằn người giàu có, và bình vực tất cả những ai nghèo khổ. Đây quả là mầm mống của cuộc đấu tranh giai cấp.

Phụng có học nhưng chưa hiểu biết về cuộc đời, về cách xử thế. Hình như đa số các nhà khoa bảng đều mắc phải lỗi lầm này. Có lẽ vì quá lo học cho hết bài vở (savoir) để thi lấy bằng, xong lại lo học thực hành (savoir faire) nên sao lãng thuật xử thế (savoir vivre) ? Họ quên rằng chỉ với sự hiểu biết (savoir) và tay nghề (savoir faire), họ mới đạt mức sống no đủ cho bản thân và gia đình. Biết sống (savoir vivre) mới giúp tạo dựng được một xã hội hài hoà, an lạc...

Điều đáng buồn là đa số đều bỏ gấn cả cuộc đời để học ăn chơi, chẳng có mấy ai dành tí thời gian để học ăn ở. Và vì không biết sống cho đúng cách nên cộng đồng, xã hội luôn bị xáo trộn. Đâu phải hễ có tiền là do bóc lột, và cũng đâu phải nghèo là do bị bóc lột. Đa cảm nên trước những bất công của xã hội, Phụng lý luận đơn giản và hành động như cộng sản: bằng mọi cách chống lại cảnh người bóc lột người. Ấy thế nhưng bây giờ cộng sản lên ngôi, thì cái “lý sự cùn” đó lại được cộng sản “quán triệt” và triệt để áp dụng...ngược lại: người bóc lột người!

Chúng nó bóc, chúng nó lột từ dưới lên trên và không chừa một ai, ngày nay bọn vô sản đó độc quyền giàu sang trên sự bản cùng của dân tộc. Nhưng không có lấy một tên mang mặc cảm tội lỗi như Dũng! Trái lại, chúng rất hãnh diện từ vô sản chẳng mấy chốc thành đại gia.

Một hôm ở tòa soạn nhà báo ra, đang lang thang trên đường Galliéni, bây giờ là Trần Hưng Đạo, Phụng chứng kiến một tai nạn xe xảy ra, một cô gái tay bụng rỏ đi trên lề, bỗng có một chiếc xế hộp vì tránh một xe khác nên bất ngờ leo lề và “quẹt” cô gái té lăn cù, trầy chân chảy tí máu. Phụng nhìn rõ tai nạn từ đầu và hết sức bất bình trước thái độ dửng dưng của cả chủ lẫn tớ chiếc xe,

không màng đến sự an nguy của cô gái. Anh liền làm dữ, đòi lôi cổ người chủ xe về bót làm biên bản trình tòa. Cuối cùng ông ta phải chịu chi 10 hay 20 đồng gì đó và phải chở cô gái đến nhà thương Sài Gòn cho bác sĩ khám. Phụng theo sát cho đến khi bác sĩ xác nhận không có gì nặng, anh mới tha cho chủ xe, và anh đưa cô gái về tận nhà, ở cùng đường với anh.

Nhờ vậy anh mới biết gia đình cô gái thuộc hạng cùng đinh, nhà chỉ là một túp lều, người cha bệnh hoạn, cô gái tuy chưa đầy hai mươi tuổi nhưng phải một mình tảo tần nuôi cha và bốn đứa em còn nhỏ dại. Tình cảnh của gia đình Tâm, tên cô gái nếu tôi không lầm, lại càng làm cho Phụng, bản chất đa cảm, thêm phần uất trước những bất công của xã hội. Anh lại quên một việc hết sức hiển nhiên, năm ngón tay chẳng có ngón nào bằng ngón nào. Ý Trời đã vậy, muốn biết vì sao xin hỏi Ông.

Một buổi chiều, người bạn rủ Phụng đi ăn tiệm Tàu. Vừa bước vô cửa, anh nhận ra ngay Tâm đang ngồi với hai người trai trẻ, cười nói có vẻ là lời. Cô ăn mặc và son phấn có phần diêm dúa, không còn gì là cô gái bán bưng lem luot mấy hôm trước. Có lẽ nhờ tiền bồi thường tai nạn cô mới sắm sửa được xiêm y. Cô không dám nhìn anh, chỉ cúi mặt cho đến khi cùng hai thanh niên ra đi. Phụng lại được dịp giận dữ, rửa đời giả dối. Rồi anh tìm đến nhà Tâm nhằm lúc cô ấy đi vắng. Anh không tiếc lời xài xẻ cha của Tâm, đến khi nghe ông kể rõ là Tâm phải hy sinh tiết hạnh để chạy chữa cho ông và nuôi đàn em dại, anh mới chợt tỉnh và thương cảm tình cảnh của Tâm... Ấy đấy, chuyện đời vẫn vậy, thấy vậy mà không phải vậy, lắm khi tệ hơn vậy, mà cũng có khi khá hơn vậy, chuyện gì cũng có lý do, thường là thâm kín, chịu khó tìm hiểu trước khi có ý kiến vẫn hơn.

Rồi một hôm, có một người tự xưng là ông bang, ông biện gì đó tôi chẳng nhớ, từ Lục Tỉnh lên Sài Gòn tìm Phụng theo đề nghị của mẹ anh, để xin thỉnh ý anh về việc ông muốn cưới em gái của anh làm bé. Thế là anh lại nổi trận lôi đình, sỉ vả ông khách, chỉ vì nghĩ rằng gia đình nghèo nên thiên hạ khinh khi lấy em mình về làm bé.

Bao nhiêu sự việc dồn dập đẩy anh đến chỗ bạo hành, anh quyết định giết bà nọ ở gần nhà anh, cho vay ăn lời. Phụng lấy hộp tiền của bà, đầu cũng được gần hai chục ngàn, một số tiền khá lớn. Anh đem chia cho Tâm một nửa làm vốn buôn bán, để không phải buôn phấn bán hương. Cuối cùng anh viết một bức thư dài giải thích hành động tội lỗi của mình gửi lại cho người bạn và rời xa thành phố, về sống ẩn dật dưới chân núi Thất Sơn như một nông dân khổ rách, sau khi đưa số tiền còn lại cho cô em gái lo nuôi mẹ già, để không phải đi làm bé thiên hạ...

Hình ảnh của Phụng khổ rách làm tôi bỗng nhớ lại thời còn đạp xe đi học ban tú tài, mỗi khi đạp qua đồng Cộ (chó) ngập, tự nhiên tôi có ý nghĩ quái đản là một ngày nào đó không rõ vì lý do gì, tôi sẽ trở thành một nông dân cuốc đất trên cánh đồng nầy dù đã học xong đại học... Ý nghĩ có hơi quái đản, nhưng 20 năm sau đã thành “hiện thực”, tuy không thành nông dân nhưng thành thợ tháo ráp kính xe! Thế mới biết ở đời chuyện gì rồi cũng có thể xảy ra. Phụng mà gặp Hồ thì chắc cũng không kém Lê Duẩn, Trường Chinh, những người cộng sản tuyệt đối! Hồ Biểu Chánh đã tạo Phụng thành một nhân vật mang ít nhiều tính chất cộng sản cũng chẳng có gì lạ. Người Thất Chí được ông phóng tác theo một chuyện của Dostoievski !

Nếu tâm trạng của các nhân vật trên phù hợp với thực trạng của lớp trẻ thời bấy giờ, thì đó thật là một môi trường hết sức lý tưởng cho chủ nghĩa xã hội sinh sôi nảy nở. Rồi việc gì phải đã đến: Nguyễn Tất Thành, cũng vào thời buổi đầu thế kỷ đó, cũng thoát ly gia đình, không ai biết rõ lý do, nhưng chắc chắn là không phải vì một lý tưởng cao siêu nào cả, ít ra cũng như Dũng hay Phụng, chưa dám sánh với Thái. Tất Thành mang trong người một mầm mống, bản chất điều ngoa gian ác. Vào đến Sài Gòn y gặp ngay vận may, xuống tàu sang Pháp, một dân tộc đa cảm thiên tả nặng. Y được đảng xã hội Pháp nuôi dưỡng, đảng cộng sản Pháp dạy dỗ, Mạc Tư Khoa huấn luyện và cuối đường đây có ông “thầy Tàu” sử dụng.

Thập niên 1930, y không phải chịu chung hoàn cảnh của bao nhiêu thanh niên muốn đánh Tây,

Sóng Thần

nhưng không có điều kiện tập hợp, tổ chức, tài chánh, vũ khí v.v... Tất Thành không phải bó tay như bao nhiêu người, kể cả Cụ Phan Đình Phùng trước đó, vào cuối thế kỷ 19, đã phải đem toàn lực lượng lên núi Vụ Quang trú ẩn và bó gối cho đến ngày Cụ qui thiên và lực lượng tan rã vì không có nguồn tiếp vận, tài trợ. Nghĩ lại mà thương cho Cụ Phan, Cụ chính là hình ảnh của dân tộc, tay không chống Pháp thì có khác nào lấy trứng chọi đá. Bài học ngàn vàng đó của Cụ, không ai học. Có học chẳng là học để ra làm quan cho Tây, như Hoàng Cao Khải, để áo gấm về làng, nở mặt với đời (!), cái mà Dũng đã rất xấu hổ vì cha của anh giàu có nhờ làm quan cho Tây. Tất Thành không học bao nhiêu, được ông thầy Tàu tận tình sử dụng, che chở, yểm trợ tối đa suốt hơn nửa thế kỷ. Cuối cùng Tất Thành tất đã thành công trong công tác do quốc tế vô sản ủy nhiệm dưới sự chỉ đạo kề cận của ông thầy Tàu.

Chuyên nghề phong thủy, thầy Tàu đã nhìn thấy “long mạch” trên đất Việt, và thấu rõ đã đến lúc chế độ thực dân tàn lụi và chủ nghĩa cộng sản đang bùng lên khắp nơi trên thế giới. Thời cơ đã đến, thầy Tàu thúc bách họ Hồ phải ra tay “đánh cho đến người Việt Nam cuối cùng”. Những năm 1930 đó, còn có Võ Nguyên Giáp cũng lần mò sang Tàu và gặp Hồ Chí Minh... Thầy Tàu lại có thêm chân tay nanh vuốt, nên sẵn sàng xua quân (Tàu) tràn ngập Điện Biên, núp sau danh nghĩa Hồ, Giáp. Thực sự thì mọi việc đều do thầy Tàu Vi Quốc Thanh chỉ huy. Và Tàu đã đánh Tây De Castries tới bờ hoa lá, trên chục ngàn tù binh Tây vào lò. Khi ra lò chỉ còn một phần ba! Và Tây vẫn ngỡ Giáp là một thiên tài, chẳng tốt nghiệp một trường quân sự nào mà đánh Tây tan tác. Khi Giáp “xếp giáp” qui thiên, Tây còn khen y là một “Nã Phá Luân Hồng”!

Người xã hội chủ nghĩa có ca ngợi đồng chí cộng sản cũng là chuyện thường vì họ chỉ có tình đồng chí chứ không có tự hào dân tộc, tình tự gia đình. Đùng ngạc nhiên về tư cách của bọn tam vô. (Thời sự Bắc Hàn mới đây nhắc nhở mọi người điều đó, bà vợ của Chang Jong Taek, nhân vật số 2 của Đảng, đã tố cáo chồng với đứa cháu ruột Kim

Jong Un, con của người em trai và là chủ tịch nước, để cho tên này bắt đem đi hành quyết).

Phải chi thời đó mà có những đoàn quân Mũ Xanh, Mũ Đỏ, Mũ Nâu... như ngày nay ở Điện Biên, thì chắc thầy Tàu và Hồ Giáp chẳng còn manh giáp. Thầy Tàu chẳng hao tốn gì, chỉ có phong cho Hồ làm vua, đưa Giáp lên hàng “danh nhân”, và đổi lấy một phần đất đai nước Việt. Kể ra cũng lời chán! Phần còn lại từ từ tính sau, có chạy đi đâu mất mà sợ. Dân Việt rõ thật số con rệp, hết rước Tây vào lại mời Tàu vô.

Thanh niên những năm 1930 mang nhiều nhiệt huyết, nhưng không nơi nương tựa, thiếu hẳn tổ chức, thiếu lãnh đạo, tài chánh, vũ khí... nên rồi cũng giống như Cụ Phan, mộng tan theo mây khói trước cường địch. Ngày nay, người Việt tỵ nạn cũng giống các thanh niên những năm 1930, nhiều nhiệt huyết, cũng thiếu ý thức chánh trị, thiếu lãnh đạo, thiếu tổ chức, thiếu tài chánh... chỉ có khác đôi chút là dư việt gian, nằm vùng... Nghĩ cho cùng thì đó cũng là do thiếu hiểu biết về cách xử thế dù đã sống trong những quốc gia văn minh suốt hơn ba mươi năm qua.

Khi một quốc gia, một dân tộc không biết tự lực cánh sinh buộc lòng phải nhờ người ngoài giúp sức lúc hữu sự, thì có khác nào đưa lưng cho chúng cỡi. Cuối thế kỷ 18, Gia Long Nguyễn Phúc Ánh đã nhờ Pháp giúp nên bị Pháp đô hộ luôn trăm năm. Đến lượt Hồ Chí Minh làm công cụ cho đệ tam, tay sai cho Tàu, nên trăm năm sau nước Việt đang “tiến nhanh tiến mạnh” vào vòng Bắc thuộc lần thứ... thứ mấy rồi nhỉ?

Suốt một thế kỷ qua, dân ta vẫn chưa tỉnh ngủ, vẫn còn mê sảng trong giấc mộng vàng danh lợi giữa lòng dân tộc lạc hậu, nghèo khó. Dũng trong Đồi Bạ và Phụng trong Người Thất Chí phần uất cũng phải. Với lũ “vô sản tí phú” ngu si, chỉ biết làm nhục quốc thể, buôn dân bán nước ở Bắc bộ phủ hiện nay, tương lai dân tộc ngày càng đen tối hơn...

Clermont Ferrand
Một ngày đầu Thu 2013.